

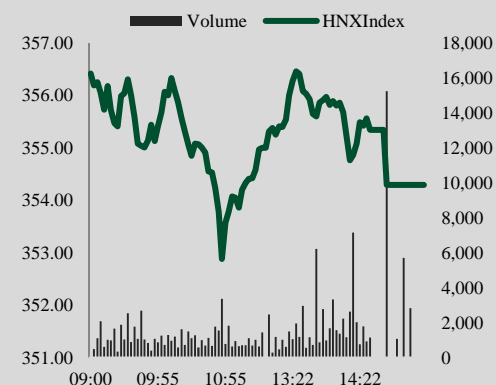
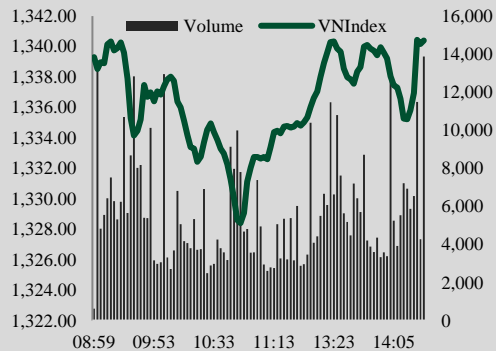
TIÊU ĐIỂM

Phiên hôm nay chứng kiến chỉ số VN Index dao động tích lũy trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 1,340 dù đã giảm sâu đầu phiên. Một xu hướng hồi phục ngắn hạn đang dần hình thành trong bối cảnh thanh khoản vẫn đang duy trì tích cực

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,339.21	354.29
Thay đổi	-0.01%	-0.49%
KLGD (tr.cổ phiếu)	583.08	139.32
GTGD (tỷ VND)	16,782.94	3,086.57

Số cổ phiếu tăng giá	191	119
Số cổ phiếu đứng giá	44	63
Số cổ phiếu giảm giá	210	96

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,449.20	-5.20
VN30F2M	1,447.00	-4.00
VN30F1Q	1,445.00	-4.50
VN30F2Q	1,444.70	-1.30



VN INDEX DAO ĐỘNG ĐI NGANG QUANH 1.340

- Phiên hôm nay chứng kiến chỉ số VN Index dao động tích lũy trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 1,340 dù đã giảm sâu đầu phiên. Một xu hướng hồi phục ngắn hạn đang dần hình thành trong bối cảnh thanh khoản vẫn đang duy trì tích cực cả về giá trị và khối lượng giao dịch.
- VNIndex mở cửa trong sắc đỏ ngay sau phiên ATO, khi lực cung đã hoàn toàn áp đảo lực cầu trên thị trường, khiến VNIndex đã có thời điểm giảm gần 11 điểm, tuy nhiên sau đó lực cầu bắt đáy xuất hiện đã giúp chỉ số này hồi phục trở lại trên mốc 1,330 khi kết phiên sáng. Sang đến phiên chiều, chỉ số nhìn chung chỉ dao động tích lũy trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 1,340 điểm cho tới khi kết thúc phiên ATC mà không ghi nhận nhịp tăng hay giảm đột biến nào. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn ghi nhận diễn biến tăng giảm trái chiều khi dẫn dắt phe tăng giá là các mã HPG, MSN và GAS trong khi đối trọng là VHM, VIC, VCB. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước nhưng vẫn duy trì ở mức cao với tổng giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt khoảng 22,800 tỷ VND. Kết phiên, VN Index giảm 0.10 điểm (-0.01%), đạt mức 1,339.21, trong khi HNX dừng tại mức 354.29 (-0.49%).
- Nhìn chung, VN Index đang có những phiên tích lũy và dần lấy lại sự ổn định, tuy nhiên thị trường sẽ cần thêm thông tin hỗ trợ để tiếp tục duy trì đà tăng này. Bên cạnh đó, giá các cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt chỉ số VN-Index nhìn chung đều đang có xu hướng kiểm tra lại các ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn.

Khuyến nghị

- Chúng tôi cho rằng diễn biến chủ đạo trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ vẫn là dao động tích lũy với thanh khoản không cao và tiếp tục duy trì quan điểm đưa ra ở phiên trước, theo đó nhà đầu tư nên tiếp tục quan sát thị trường và chờ đợi diễn biến phân hóa giữa các cổ phiếu rõ ràng hơn để tìm kiếm cơ hội "lướt sóng" ngắn hạn trong bối cảnh sắp bước vào tuần công bố kết quả kinh doanh Q3.2021 của các doanh nghiệp niêm yết.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q2.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thông kê thị trường của báo cáo này.*

Một số tin tức đáng chú ý

- **OPEC dự báo nhu cầu dầu mỏ sẽ tăng trong hai thập kỷ tới.** Báo cáo Triển vọng Dầu mỏ Thế giới của OPEC cho biết các nước đang phát triển sẽ đẩy mạnh cầu tăng trong khi nhu cầu dầu mỏ ở các nước giàu hơn sẽ giảm từ năm 2023.
- **Gần 250.000 tỷ đầu tư công cần giải ngân 3 tháng cuối năm.** Thủ tướng Phạm Minh Chính đốc thúc giải ngân nguồn vốn đầu tư công gần 250.000 tỷ đồng còn lại của năm và phê bình những nơi có tỷ lệ giải ngân dưới 40%.

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGƯỠNG CẮT LỖ	NGƯỠNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
HT1	31/08/2021	Đang nắm giữ	07/09/2021	21.00 - 21.50	23.30	19.75	25.70	9.65%	Cổ phiếu vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực và nhận được sự chú ý của dòng tiền.
ILB	31/08/2021	Đang nắm giữ	08/09/2021	32.00 - 32.50	31.80	30.30	38.05	-1.40%	Cổ phiếu thuộc nhóm ngành có triển vọng kinh doanh tích cực giai đoạn cuối năm 2021 và vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá tích cực.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH (TẠI THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU KHUYẾN NGHỊ)	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (nghìn VND)	P/E	P/B	Ghi chú
TPB	33.85	46.70	41.40	22.30%	2.02	24.68	3.40	9.86	2.19	
TCB	49.50	67.50	49.40	-0.20%	3.59	21.50	3.52	10.71	2.08	
PET	20.80	32.00	26.40	26.92%	3.14	11.52	1.53	12.41	1.42	
LHG	48.40	58.80	48.45	0.10%	12.41	25.93	3.66	7.15	1.71	
TV2	44.30	61.10	54.40	22.80%	9.48	24.30	5.82	9.14	2.03	
PC1	25.10	42.50	37.60	49.80%	5.58	17.46	2.68	10.91	1.65	Điều chỉnh tăng giá mục tiêu theo báo cáo cập nhật mới nhất
PGV	25.68	35.30	28.30	10.20%	2.40	13.03	1.59	17.80	2.18	Bổ sung ngày 31/08/2021
GMD	43.60	50.10	48.65	11.58%	4.36	6.68	1.15	35.85	2.38	Đã vượt Giá mục tiêu
SZC	38.60	45.60	46.80	21.24%	5.86	19.72	1.68	18.74	3.52	Đã vượt Giá mục tiêu
DGC	83.00	150.00	143.10	72.41%	17.97	24.68	4.99	24.38	5.48	Đã vượt Giá mục tiêu
CSV	41.30	54.20	54.20	31.23%	13.24	16.98	3.64	13.72	2.23	Đã vượt Giá mục tiêu
NKG	32.00	44.00	43.95	37.34%	12.91	37.07	1.39	6.48	2.07	Đã vượt Giá mục tiêu

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	54.70	25.00%	4.57%	16.33	19.16	5.94	9.46	1.78	
FOC	119.00	200.00%	16.81%	18.98	24.16	9.99	11.92	2.69	
GHC	27.20	27.00%	9.93%	7.85	18.68	3.56	7.64	1.59	
HLD	36.70	10.00%	2.72%	10.15	14.54	3.71	10.99	1.64	
LHG	48.45	15.00%	3.10%	12.41	25.93	3.66	7.15	1.71	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	83.10	75.00%	9.03%	39.77	45.99	7.49	10.17	5.04	
NT2	20.80	25.00%	12.02%	4.66	7.27	2.10	19.03	1.45	
RAL	201.00	50.00%	2.49%	9.80	37.48	29.23	6.10	2.09	
PPC	23.10	20.00%	8.66%	13.08	15.64	3.15	8.67	1.51	
VEA	41.50	35.00%	8.43%	18.35	21.41	4.17	9.96	2.20	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT



Đường giá vẫn nằm trên đường MA50 cho thấy xu hướng tăng trong ngắn hạn có thể vẫn được duy trì. Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục hồi phục trong tuần này. Ngưỡng kháng cự tại 1,370 – 1,380, ngưỡng hỗ trợ tại 1,270 – 1,280.

GÓC NHÌN CHUYÊN GIA

Chịu tác động nặng nề từ dịch bệnh, GDP 9T tăng 1.42%

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đặc biệt tại vùng kinh tế trọng điểm phía nam, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Theo đó, GDP quý 3 năm nay giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng âm trong 9 tháng của một số ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn đã làm giảm tăng trưởng của khu vực dịch vụ và toàn nền kinh tế.
- Tăng trưởng 9 tháng đầu năm đạt 1,42% so với cùng kỳ năm 2020. Ngành bán buôn, bán lẻ giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,3 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 7,79%, làm giảm 0,47 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 23,18%, làm giảm 0,57 điểm phần trăm. Ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 21,15%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,37%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,24%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2021 giảm 0,62% so với tháng trước, và tăng 2,06% so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng tăng 1,81% so với tháng 12/2020. Nguyên nhân làm giảm chỉ số giá tiêu dùng giảm tháng này là một số chi phí được miễn, giảm trong giai đoạn giãn cách xã hội như tiền thuê nhà, học phí, tiền điện,... Tuy vậy trong các tháng cuối năm, VCBS dự báo chỉ số giá tiêu dùng sẽ bật tăng trở lại cùng với nhu cầu tiêu dùng sau khi Việt Nam bắt đầu đạt được những thành quả chống dịch. Tuy vậy, lạm phát cho cả năm 2021 nhiều khả năng không vượt quá 3% cho cả năm 2021 và không tạo nên áp lực lạm phát lớn trong năm nay.
- Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng cao nhưng đà tăng phần nào giảm tốc so với quý 2. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ; nhập khẩu đạt 242,65 tỷ USD, tăng 30,5%. Giá trị nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất duy trì mức tăng trưởng cao. Cán cân thương mại 9 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 2,13 tỷ USD khi tháng 9 đã ghi nhận giá trị xuất siêu trở lại 0,5 tỷ USD.
- Trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, Chính phủ đặt mục tiêu trên hết là bảo đảm sức khỏe, tính mạng nhân dân. Trong khi đó, giai đoạn tới sau khi đã đạt được một số thành quả bước đầu trong phòng chống dịch bệnh thì các ưu tiên Chính phủ sẽ là nối lại chuỗi sản xuất bền vững để thích nghi với tình hình mới, đồng thời bảo đảm những chính sách an sinh- xã hội cho người dân. Bên cạnh việc tăng độ bao phủ vắc xin, đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo kích bản hồi phục kinh tế tích cực hơn trong Quý cuối năm cũng như năm 2022.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
MSN	141,000	3.68	1.589	563,500
GAS	96,800	1.79	0.876	2.76MLN
HPG	53,300	1.33	0.843	34.90MLN
PLX	52,000	1.76	0.313	2.21MLN
POW	12,200	3.83	0.284	31.39MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
IDC	52,000	2.36	0.435	2.48MLN
VCS	129,100	4.28	0.256	412,400
BCC	20,500	9.63	0.100	3.25MLN
APS	21,100	4.98	0.094	2.13MLN
IDJ	34,700	3.27	0.092	1.48MLN

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
CTG	30,400	-1.78	-0.711	10.28MLN
VCB	98,500	-0.71	-0.699	565,000
VPB	66,000	-1.20	-0.529	6.61MLN
DGC	143,100	-5.86	-0.410	1.68MLN
STB	25,800	-2.82	-0.381	19.93MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	26,000	-1.52	-0.988	12.67MLN
NVB	27,000	-4.59	-0.804	735,000
BAB	21,900	-2.67	-0.614	76,100
SHS	36,200	-2.16	-0.368	2.80MLN
NTP	50,000	-8.59	-0.251	29,700

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
BFC	1,883.69	32,950	798,900	6.98
DPM	13,872.80	35,450	7,117,400	6.94
DCM	13,102.65	24,750	3,987,100	6.91
AGM	647.92	35,600	161,600	6.91
HT1	8,889.93	23,300	11,745,500	6.88

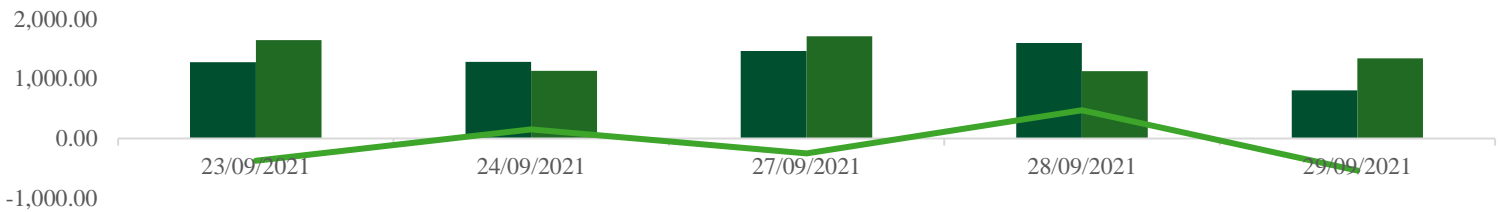
HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
PMB	174.00	14,500	201,900	9.85
PVG	573.05	15,700	3,093,700	9.79
BCC	2,525.80	20,500	3,247,600	9.63
BTS	1,470.36	11,900	685,600	9.17
PCG	183.04	9,700	274,900	8.99

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q2.2020 (Tỷ VND)	LNST Q2.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	NKG	43.95	5,441,800	17.30	847.51	4798.90%
2	SMC	49.80	560,100	41.83	532.29	1172.51%
3	HSG	45.90	7,482,900	318.11	1,701.82	434.98%
4	LPB	21.70	3,268,200	320.63	740.49	130.95%
5	OCB	23.80	1,773,300	605.70	1,107.92	82.92%
6	TCB	49.40	5,676,700	2,889.00	4,806.66	66.38%
7	TPB	41.40	8,107,000	817.85	1,268.92	55.15%
8	VPB	66.00	6,609,400	2,951.02	4,016.36	36.10%
9	GAS	96.80	2,756,300	1,828.02	2,301.38	25.89%
10	MBB	27.80	11,106,600	2,389.66	2,730.50	14.26%

Hoạt động khối ngoại trên HSX, HNX, UpCom



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VNM	89,600	93.30	30.77	62.53
MBB	27,800	49.58	24.64	24.94
VHC	51,800	28.15	11.53	16.61
PLX	52,000	15.80	0.65	15.15
FTS	56,900	13.63	1.51	12.12

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	53,300	43.28	148.94	105.65
CTG	30,400	6.25	51.23	44.99
NVL	102,000	1.75	45.84	44.08
STB	25,800	11.84	53.92	42.08
DGC	143,100	3.34	41.92	38.58

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
THD	227,300	1.39	-	1.39
BCC	20,500	0.64	0.01	0.63
DL1	10,000	0.55	0.02	0.53
BII	16,200	0.49	0.02	0.47
SCI	32,900	0.43	0.02	0.41

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PLC	40,000	-	6.44	6.44
VCS	129,100	-	8.59	8.59
IDJ	34,700	-	2.75	2.75
TDN	18,400	0.06	1.81	1.75
SHS	36,200	-	1.72	1.72

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
TTN	15,700	0.88	-	0.88
CLX	22,400	0.76	-	0.76
ACV	83,600	1.63	0.96	0.68
MFS	31,000	0.35	0.00	0.34
MCM	60,100	0.31	-	0.31

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VEA	41,500	42.71	47.05	4.35
QNS	51,700	7.25	7.90	0.65
TCI	18,800	-	0.56	0.56
EVF	13,200	-	0.37	0.37
CST	22,900	0.03	0.29	0.26

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn



**Ra mắt
VCBS Mobile
Hoàn toàn mới
Ưu đãi ngập tràn**

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Trụ sở chính Hà Nội

Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1 & 7, Tòa nhà Green Star số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh



Hotline: 1900 98 9999



Website: www.vcbs.com.vn

